

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 154/2023/HN- ST
Ngày 14/12/2023
V/v: “Xin ly hôn ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Phong
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Bá Đức.

Bà Lê Thị Thu Hồng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thư Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ngày **14** tháng **12** năm **2023** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 443/2023/TLST-HN ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc “xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 466/2023/QĐXXST-HN ngày 24/11/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 486/2023/QĐST-HN ngày 04/12/2023 giữa:

*** Nguyên đơn:** Đỗ Quốc S, sinh 1976 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Trú tại: Ấp Phú Lộc Hạ 1, xã An Định, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

*** Bị đơn:** Trần Thị thúy H, sinh 1981 (vắng mặt không lý do)

Trú tại: Ấp Phú Lợi Th, xã An Định, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn anh S trình bày:

Vào năm 2001 tôi và H đã tiến tới hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Định, huyện Mỏ Cày Nam. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp, chúng tôi sống ly thân cách nay khoảng 02 tháng. Nay tôi xin ly hôn với H.

Quá trình sống chung vợ chồng có 01 con chung tên Đỗ Thị Thuỳ Nhung, sinh ngày 27/12/2001, con hiện đang sống cùng H. Hiện con đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn Trần Thị Thúy H vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng của Tòa án và cũng không có bất cứ lời trình bày nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về áp dụng pháp luật tố tụng:***

[1] Về quyền khởi kiện: Anh S cho rằng quá trình sống chung giữa vợ chồng không còn hạnh phúc nên muốn ly hôn, do đó chị khởi kiện. Căn cứ điều 51 luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì anh S có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của anh S là tranh chấp về việc ly hôn. Căn cứ khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã An Định, huyện Mô Cày Nam. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mô Cày Nam thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

**** Về nội dung giải quyết vụ án:***

[1] Anh S, chị H kết hôn trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân, anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND cấp có thẩm quyền, do đó hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị sống có hạnh phúc, lẽ ra anh, chị phải biết gìn giữ, nhưng từ những mâu thuẫn trong đời sống thường ngày mà anh, chị không tìm cách để khắc phục, sống ly thân cách bỏ mặt nhau. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết anh S vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, còn chị H đã được triệu tập rất nhiều lần để Tòa án tiến hành tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng chị vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy chị H không có thiện chí muốn trở về chung sống với anh S. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị là có thật, nếu để anh chị tiếp tục chung sống thì mục đích hôn nhân sẽ không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh S là phù hợp.

[2] Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[3] Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

[4] Anh S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5 điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đỗ Quốc S. Anh Đỗ Quốc S được ly hôn với chị Trần Thị Thúy H.

Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

Án phí: Anh S chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002226 ngày 31/10/2023.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam(1b);
- UBND xã An Định (1b)
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký